

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 9 - 2020

V/v ly hôn, Tranh chấp về nuôi con,
Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Quân.

2. Ông Phạm Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa –Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm: 1981. Cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay đang tạm trú tại: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm: 1979. Cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

3. Đồng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Lâm Thị Y, sinh năm: 1956. Cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Trần Thị Th, sinh năm: 1986. Cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Huỳnh Kim Ng, sinh năm: 1963. Cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Lê Thị O, sinh năm: 1965 (Chủ Đại lý thực ăn Trường Đ). Cư trú tại: ấp Tr, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị O: Chị Phạm Thị Thúy D, sinh năm: 1989. Cư trú tại: ấp Tr, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng – Là người đại diện theo ủy quyền – Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 01 năm 2020, Đơn khởi kiện (bổ sung) ngày 02 tháng 3 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Ch trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Ch và anh Trần Văn T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/02/2007. Sau thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, chị Ch và anh T sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nay chị Ch xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, nên chị Ch yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Ch và anh T có 01 người con chung tên là Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11/12/2014, hiện nay H đang sống chung với chị Ch, chị Ch yêu cầu nuôi con chung là Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11/12/2014 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống giữa anh T và chị Ch có tài sản chung, nhưng đã tự thỏa thuận xong, nên chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Trong quá trình chung sống chị Ch và anh T có nợ chung là: Nợ bà Lê Thị O (chủ Đại lý thức ăn Trường Đ) số tiền là 1.137.647.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 18/9/2020 là 144.850.000 đồng, tổng cộng là 1.282.497.000 đồng. Chị Ch thống nhất trả nợ chung với anh T là trả nợ cho bà O, mỗi người trả 50%, nhưng do hiện nay chị Ch không có tiền, nên chị Ch yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của bà O cho chị xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ cho bà O.

Theo đơn khởi kiện (bổ sung) ngày 02 tháng 3 năm 2020 chị Ch yêu cầu anh T phải cùng có trách nhiệm trả nợ chung là: Nợ chị Lâm Thị Y. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng số tiền là 50.000.000 đồng; Nợ chị Trần Thị Th. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng số tiền là 50.000.000 đồng; Nợ chị Huỳnh Kim Ng. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng số vàng là 25 chỉ vàng 24k, mỗi người trả 50%. Tại phiên tòa chị Ch xin rút lại đơn yêu cầu khởi kiện (bổ sung) ngày 02 tháng 3 năm 2020.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/01/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Về hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ch; Về con chung: Anh T thống nhất giao con chung tên Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11/12/2014 cho chị Ch

nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh T sẽ không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Anh T và chị Ch có tài sản chung, nhưng đã tự thỏa thuận xong, nên anh T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu phát sinh tranh chấp anh T sẽ yêu cầu bằng 01 vụ án khác; Về nợ chung: Anh T thống nhất nợ chung của anh và chị Ch là nợ bà Lê Thị O (chủ Đại lý thức ăn Trường Đ) số tiền mua thức ăn nuôi tôm là 1.137.467.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 18/9/2020 là số tiền 144.850.000 đồng, tổng cộng là 1.282.497.000 đồng, thống nhất mỗi người trả 50%, nhưng do hiện nay anh T không có tiền, nên anh T yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của bà O cho anh xin trả dần mỗi tháng là 15.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ cho bà O.

* Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 13 tháng 3 năm 2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Phạm Thị Thúy D trình bày:

Vào ngày 30/9/2017 bà Lê Thị O có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc, vôi, hóa chất phục vụ nuôi tôm cho anh Trần Văn T và vợ là chị Nguyễn Ngọc Ch. Khi hợp đồng mua bán thì có mở sổ theo dõi, theo hợp đồng sau khi thu hoạch tôm thì anh T và chị Ch sẽ trả đủ tiền cho bà O 01 lần, nếu nợ lại phải chịu lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Quá trình mua bán diễn ra nhiều lần, đến ngày 26/8/2019 hai bên có tổng kết nợ trên sổ thì phía anh Trần Văn T và vợ là chị Nguyễn Ngọc Ch còn nợ bà Lê Thị O tổng số tiền là 1.137.647.000 đồng, nhưng anh Trần Văn T và vợ là chị Nguyễn Ngọc Ch không trả tiền cho bà Lê Thị O, việc anh T và chị Ch không trả nợ làm ảnh hưởng đến việc sử dụng vốn của bà Lê Thị O.

Nay chị D đại diện cho bà Lê Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn T và chị Nguyễn Ngọc Ch phải cùng có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị O số tiền gốc còn nợ là 1.137.647.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 18/9/2020 là 144.850.000 đồng, tổng cộng là 1.282.497.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 1%/tháng tính từ ngày 19/9/2020 DL cho đến khi anh T, chị Ch trả xong nợ cho bà O, yêu cầu trả đủ 01 lần.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 6 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Kim Ng trình bày: Vào ngày 06/6/2012 bà Ng có hợp đồng cho vợ chồng anh Trần Văn T và chị Nguyễn Ngọc Ch vay số vàng là 25 chỉ vàng 24k, với lãi suất là 2,5%/tháng, khi vay có làm biên nhận (giấy tay), theo thỏa thuận đến cuối năm 2012 anh T và chị Ch sẽ trả số vàng 25 chỉ vàng 24k cho bà Ng. Nay bà Ng xét thấy bà không yêu cầu anh T và chị Ch phải trả số vàng trên, nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này, nếu phát sinh tranh chấp bà Ng sẽ yêu cầu bằng 01 vụ án khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, bà Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Th.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị Y đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, bà Y không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Y.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị O đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Huỳnh Kim Ng, Lâm Thị Y, Trần Thị Th không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, xử giao cháu Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11/12/2014 cho chị Ch nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về tài sản chung, không có đề nghị gì. Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, buộc nguyên đơn và bị đơn phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà Lê Thị O theo quy định của pháp luật.

* Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Kim Ng, bà Lâm Thị Y, bà Trần Thị Th không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án này đối với chị Ch và anh T, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử dành cho bà Huỳnh Kim Ng, bà Lâm Thị Y, bà Trần Thị Th được quyền khởi kiện bằng 01 vụ án khác nếu có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Kim Ng, bà Lâm Thị Y, bà Trần Thị Th là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng, bà Th và bà Y.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 01 năm 2020 của chị Nguyễn Ngọc Ch yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hôn nhân và gia đình (Ly hôn, tranh chấp về nuôi con) theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 13 tháng 3 năm 2020 của bà

Lê Thị O thì giữa bà O và anh T, chị Ch có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc, vôi, hóa chất phục vụ nuôi tôm. Do anh T, chị Ch vi phạm hợp đồng không trả đủ tiền cho bà O, nên bà O khởi kiện yêu cầu anh T và chị Ch phải hoàn trả tiền cho bà O. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng dân sự (Hợp đồng mua bán tài sản) theo điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Ch xin rút phần khởi kiện (bổ sung) về việc yêu cầu anh T phải cùng có trách nhiệm trả tiền cho bà Th, bà Y, trả vàng cho bà Ng. Xét thấy việc rút yêu cầu của chị Ch là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện (bổ sung) của chị Ch theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc Ch và anh Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 4/2017, hai bên đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của anh chị nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, chị Ch yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T cũng thống nhất ly hôn với chị Ch. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ch được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Ch và anh T có 01 người con chung. Tại phiên tòa chị Ch yêu cầu nuôi con chung là Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11/12/2014 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bị đơn là anh Trần Văn T cũng thống nhất giao con chung giữa anh và chị Ch là Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11/12/2014 cho chị Ch nuôi dưỡng đến khi thành niên. Xét thấy: Giữa chị Ch và anh T đã thỏa thuận được việc nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11/12/2014 cho chị Ch nuôi dưỡng đến khi thành niên, do chị Ch không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh T, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Ch và anh T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung:

Đối với yêu cầu độc lập của bà O: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà O yêu cầu chị Ch và anh T phải cùng có trách nhiệm trả cho bà O

số tiền gốc còn nợ là 1.137.647.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 18/9/2020 là 144.850.000 đồng, tổng cộng là 1.282.497.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 1%/tháng (Thỏa thuận trong hợp đồng mua bán) tính từ ngày 19/9/2020 DL cho đến khi anh T, chị Ch trả xong nợ cho bà O, yêu cầu trả đủ 01 lần.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa chị Ch và anh T đều thừa nhận có nợ bà O số tiền gốc và tiền lãi đúng như lời trình bày của người đại diện của bà O. Chị Ch và anh T thống nhất chia đôi nợ chung, mỗi người trả 50%. Chị Ch trình bày do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn, nên chị Ch đề nghị phía người đại diện theo ủy quyền của bà O cho chị xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Anh T cũng trình bày do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn, anh T đề nghị phía người đại diện theo ủy quyền của bà O cho anh xin trả dần mỗi tháng là 15.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng người đại diện của bà O không đồng ý. Như vậy, Hội đồng xét xử hoàn toàn có cơ sở xác định chị Ch và anh T có hợp đồng mua bán tài sản với bà O và hiện nay còn nợ bà O số tiền gốc là 1.137.647.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 18/9/2020 là 144.850.000 đồng, tổng cộng là 1.282.497.000 đồng. Bà O, chị Ch và anh T có hợp đồng mua bán tài sản với nhau. Do đó xác định đây là quan hệ hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà O yêu cầu chị Ch và anh T cùng có trách nhiệm trả cho bà O số tiền gốc còn nợ là 1.137.647.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 18/9/2020 là 144.850.000 đồng, tổng cộng là 1.282.497.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 1%/tháng tính từ ngày 19/9/2020 DL cho đến khi anh T, chị Ch trả xong nợ cho bà O là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà O, xử buộc chị Nguyễn Ngọc Ch và anh Trần Văn T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà O mỗi người trả 50%. Cụ thể là chị Ch có trách nhiệm: Trả cho bà O số tiền là 641.248.500 đồng và tiền lãi phát sinh là 1%/tháng (Thỏa thuận trong hợp đồng mua bán) tính từ ngày 19/9/2020 DL cho đến khi chị Ch trả xong nợ cho bà O. Anh T có trách nhiệm: Trả cho bà O số tiền là 641.248.500 đồng và tiền lãi phát sinh là 1%/tháng (Thỏa thuận trong hợp đồng mua bán) tính từ ngày 19/9/2020 DL cho đến khi anh T trả xong nợ cho bà O.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ch phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 29.649.940 đồng, tổng cộng chị Ch phải nộp án phí là 29.949.940 đồng, nhưng chị Ch được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009726 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị Ch còn phải nộp thêm số tiền là 29.649.940 đồng; Anh Trần Văn T phải nộp 29.649.940 đồng án phí đối với nghĩa vụ trả nợ; Bà Lê Thị O không phải nộp tiền án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.064.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009776 ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Kim Ng, bà Trần Thị Th, bà Lâm Thị Y không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án này đối với chị Ch và anh T. Dành cho bà Huỳnh Kim Ng, bà Trần Thị Th, bà Lâm Thị Y được quyền khởi kiện bằng 01 vụ án khác nếu có yêu cầu.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 6 Điều 26, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Ch.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc Ch được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 11/12/2014 cho chị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu H thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh T không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Chị Ch và anh T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị O.

* Chị Nguyễn Ngọc Ch phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị O số tiền là 641.248.500 đồng (*Sáu trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm đồng*) và tiền lãi phát sinh là 1%/tháng (Lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản) tính từ ngày 19/9/2020 DL cho đến khi chị Ch trả xong nợ cho bà O.

* Anh Trần Văn T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị O số tiền là 641.248.500 đồng (*Sáu trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm đồng*) và tiền lãi phát sinh là 1%/tháng (Lãi suất thỏa thuận trong hợp

đồng mua bán tài sản) tính từ ngày 19/9/2020 DL cho đến khi anh T trả xong nợ cho bà O.

5. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện (bổ sung) mà chị Ch đã rút về việc yêu cầu anh T phải cùng có trách nhiệm trả tiền cho bà Th, bà Y, trả vàng cho bà Ng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ch phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*); án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 29.649.940 đồng (*Hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi đồng*), tổng cộng chị Ch phải nộp án phí là 29.949.940 đồng (*Hai mươi chín triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi đồng*), nhưng chị Ch được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009726 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị Ch còn phải nộp thêm số tiền là 29.649.940 đồng (*Hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi đồng*); Anh Trần Văn T phải nộp 29.649.940 đồng (*Hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi đồng*) án phí đối với nghĩa vụ trả nợ; Bà Lê Thị O không phải nộp tiền án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.064.000 đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009776 ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Kim Ng, bà Trần Thị Th, bà Lâm Thị Y không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

